

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 07-8-2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Tố Uyên

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Ngọc Phương

Ông Nguyễn Đức Nhuận

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Phạm Thanh Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Ngọc Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 642/2019/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2019/QĐ-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Thanh Đ, sinh năm 1985; thường trú: khu phố a, phường T, quận B, Thành phố H, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1986; thường trú: khu phố a, phường T, quận B, Thành phố H; tạm trú: khu phố B, phường T, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/4/2019, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Thanh Đ trình bày:

Nguyên đơn và bà Nguyễn Thị Mỹ H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh A theo Giấy chứng nhận kết hôn số 38 ngày 11/4/2006. Sau kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến khoảng năm 2017 thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, tính khí bà H ngang tàn, lại thêm mỗi lần vợ chồng cãi nhau bà H lại bỏ đi khỏi nhà đến vài tháng mới quay về, những mâu thuẫn đó cứ lặp đi lặp lại cho đến năm 2018, ông Đ và bà H lại phát sinh mâu thuẫn gay gắt, bà H lại tiếp tục bỏ nhà đi từ đó đến nay không

quay lại. Ông Đ tìm hiểu và biết bà H bỏ về Bình Dương sinh sống nên ông Đ đã nhiều lần tìm gặp bà H, yêu cầu bà H quay trở về để vợ chồng cùng nhau chăm sóc con cái nhưng bà H không chịu quay về. Đến nay, ông Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, ông Đ yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Mỹ H.

Về con chung: Quá trình sống chung, ông Đ và bà H có 02 người con chung tên Lê Thanh Đ1, sinh ngày 12/3/2006 và Lê Nguyễn Thùy D, sinh ngày 20/6/2015. Sau khi ly hôn, ông Đ yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Lê Thanh Đ1; bà H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Lê Nguyễn Thùy D.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung Lê Nguyễn Thùy D mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu Dương đủ 18 tuổi. Ông Đ tự nguyện không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung Lê Thanh Đ1.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ, tài liệu nguyên đơn cung cấp: Bản sao trích lục giấy chứng nhận kết hôn số 38 ngày 11/4/2006; Bản sao trích lục khai sinh cháu Lê Nguyễn Thùy D và bản sao Giấy khai sinh của cháu Lê Thanh Đ1.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập bà H đến Tòa án tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị Mỹ H đều vắng mặt không rõ lý do.

Cháu Lê Thanh Đ1 trình bày: Cháu Đạt là con của ông Đ và bà H. Cháu Đạt còn có em gái tên Dương. Hiện nay cháu Đạt đang sống với ông Đ và cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống với ông Đ.

Quá trình đưa vụ án ra xét xử, nguyên đơn ông Lê Thanh Đ có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn với bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H; về con chung: Ông Đ yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Lê Thanh Đ1; giao con chung Lê Nguyễn Thùy D cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; ông Đ cấp dưỡng nuôi cháu Lê Nguyễn Thùy D mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu Dương đủ 18 tuổi; ông Đ không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi cháu Đạt. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Bị đơn không chấp hành đúng pháp luật do đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Đ và bà H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Về con chung: Cháu Lê Thanh Đ1 hiện đang sống với ông Đ, còn cháu Lê Nguyễn Thùy D đang sống với bà H nên đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ông Lê Thanh Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Nguyễn Thị Mỹ H và yêu cầu về việc người được trực tiếp chăm sóc con chung sau khi ly hôn nên quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Khoản 1, Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H cư trú tại số khu phố B, phường T, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, vì vậy theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 35 và Điểm a, Khoản 1, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương thụ lý đúng thẩm quyền.

[1.3] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng và tham gia phiên tòa xét xử lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do nên căn cứ Điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 1, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Thanh Đ và bà Nguyễn Thị Mỹ H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Thủy, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 38 ngày 11/4/2006 nên là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Xét thấy, trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Lê Thanh Đ cho rằng từ năm 2017, đời sống vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn do vợ chồng không hòa hợp về suy nghĩ và quan điểm sống. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên gay gắt, những cuộc cãi vã diễn ra ngày một nhiều, hai bên không thể hàn gắn. Và đến đầu năm 2018, do hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng nên bà H đã bỏ nhà ra đi và không quay trở lại. Mặc dù ông Đ đã nhiều lần yêu cầu bà H quay về để cùng nhau chăm sóc con cái nhưng bà H từ chối hàn gắn vợ chồng. Bên cạnh đó, từ khi ông Đ nộp đơn ly hôn đến Tòa án nhân dân thị xã Thuận An cho đến nay, bà H có biết việc ông Đ muốn ly hôn nhưng không có động thái gì nhằm hàn gắn hạnh phúc gia đình. Bà H đã được Tòa án triệu tập nhiều lần để lấy lời khai, hòa giải, tham gia phiên tòa để nhằm mục đích đoàn tụ nhưng vẫn không đến Tòa, thể hiện ý chí bà H không có thiện chí đoàn tụ tình cảm vợ chồng. Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ

chồng giữa ông Đ và bà H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ về việc yêu cầu được ly hôn với bà H.

[2.3] Về con chung: Quá trình chung sống, ông Đ và bà H có 02 người con chung tên Lê Thanh Đ1, sinh ngày 12/3/2006 và Lê Nguyễn Thùy D, sinh ngày 20/6/2015. Xét thấy: Cháu Lê Thanh Đ1 sống chung với ông Đ từ khi được sinh ra cho đến hiện tại, đang học hành ổn định và có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với ông Đ nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc được trực tiếp chăm sóc cháu Lê Thanh Đ1. Đối với cháu Lê Nguyễn Thùy D, nguyên đơn xác định cháu Dương hiện đang sống chung ổn định với bà H, nguyên đơn tự nguyện để bà H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Dương, nguyên đơn sẽ cấp dưỡng nuôi cháu Dương mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu Dương đủ 18 tuổi, đồng thời nguyên đơn không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi cháu Đạt. Xét đây là ý chí tự nguyện của nguyên đơn, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1, Điều 28; Điểm a, Khoản 1, Điều 35; Điểm a, Khoản 1, Điều 39; Khoản 3, Điều 144; Điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 1, Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 9, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Công văn số 24/1999/KHXX ngày 17/3/1999 của Tòa án nhân dân Tối cao về việc giải đáp bổ sung một số vấn đề về áp dụng pháp luật.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Thanh Đ đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Thanh Đ được ly hôn với bà Nguyễn Thị Mỹ H.

- Về con chung:

Ông Lê Thanh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Lê Thanh Đ1, sinh ngày 12/3/2006.

Bà Nguyễn Thị Mỹ H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Lê Nguyễn Thùy D, sinh ngày 20/6/2015.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nuôi con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về cấp dưỡng nuôi con:

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Thanh Đ về việc không yêu cầu bà Nguyễn Thị Mỹ H cấp dưỡng nuôi con Lê Thanh Đ1.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Thanh Đ về việc ông Đ cấp dưỡng nuôi con Lê Nguyễn Thùy D số tiền 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Dương đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án chậm trả còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Ông Lê Thanh Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp theo Biên lai số 0035270 ngày 21/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương. Số tiền còn lại ông Đ phải nộp là 300.000 đồng.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo đúng quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Thuận An;
- Chi cục THADS thị xã Thuận An;
- Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh A (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 38

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tố Uyên